

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chính sách hỗ trợ giảm nghèo trong địa bàn tỉnh Yên Bái

Thực hiện Quyết định số 414/QĐ-TTr ngày 21/9/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH) về thanh tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chính sách hỗ trợ giảm nghèo trong địa bàn tỉnh Yên Bái, từ ngày 28/9/2022 đến ngày 18/10/2022, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Yên Bái, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông (sau đây viết tắt là TTTT), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là NNPTNT), Sở LĐTBXH, Sở Kế hoạch và Đầu tư (sau đây viết tắt là KHĐT), Sở Tài chính, Sở Y tế, Ngân hàng chính sách xã hội (sau đây viết tắt là NHCSXH) tỉnh, UBND huyện Trạm Tấu và các đơn vị trực thuộc huyện Trạm Tấu (UBND xã Bản Công, Phòng LĐTBXH, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng NNPTNT, Phòng Dân tộc, Phòng Văn hoá và Thông tin, Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, Trung tâm Dịch vụ, hỗ trợ nông nghiệp) và các tổ chức, cá nhân có liên quan; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/8/2022.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 28/10/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Yên Bái là tỉnh miền núi, tổng diện tích tự nhiên trên 6.892 km²; dân số 830.000 người với 30 dân tộc (đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 57,4%); có 9 đơn vị hành chính cấp huyện (hai huyện nghèo là Trạm Tấu và Mù Cang Chải); có 173 xã, phường, thị trấn (59 xã đặc biệt khó khăn khu vực III). Năm 2021, toàn tỉnh có 10.454 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 4,76%; 15.854 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 7,21%.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO

1. Công tác ban hành văn bản chỉ đạo

1.1. Tại tỉnh

UBND tỉnh đã trình Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là HĐND) tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo và ban hành theo thẩm quyền 42 văn bản triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo trong địa bàn tỉnh.

1.2. Tại huyện Trạm Tấu

Huyện ủy và UBND huyện đã ban hành 12 văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo trong địa bàn huyện.

1.3 Tại xã Bản Công

UBND xã đã ban hành 15 văn bản triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo trong địa bàn xã.

2. Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo/Ban chỉ đạo giảm nghèo; Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

2.1. Tại tỉnh

Đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025; Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

2.2. Tại huyện Trạm Tấu

Đã thành lập Ban chỉ đạo giảm nghèo; Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

2.3. Tại xã Bản Công

Đã thành lập Ban giảm nghèo; Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ giảm nghèo

3.1. Tại tỉnh

Đã chỉ đạo các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền về công tác giảm nghèo thông qua các hội nghị, cuộc họp, hệ thống đài truyền thanh từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong thời kỳ thanh tra, các cơ quan truyền thông cấp tỉnh đã phát 317 tin, bài, ảnh, phóng sự tuyên truyền về công tác giảm nghèo (Đài truyền hình tỉnh phát 39 tin, bài; Báo Yên Bái đưa 50 tin, bài; Cổng thông tin điện tử tỉnh đăng 228 tin, bài).

3.2. Tại huyện Trạm Tấu

Phòng Văn hoá và Thông tin phối hợp với Trung tâm Truyền thông và Văn hóa huyện xây dựng 60 chuyên mục tuyên truyền về công tác xóa đói giảm nghèo; xây dựng 30 phóng sự gương điển hình tiên tiến các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo; 142 buổi tuyên truyền bằng xe lưu động đến các xã, thị trấn.

3.3. Tại xã Bản Công

Đã thường xuyên thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên hệ thống loa phát thanh và các cuộc họp của xã.

4. Công tác tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo

4.1. Tại tỉnh

- UBND tỉnh không bố trí kinh phí để tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo trong địa bàn tỉnh.

- Năm 2020, UBND tỉnh sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo do trung ương cấp, phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh thực hiện Tiểu dự án 3 Dự án 2 - Chương trình 135 “Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, thôn bản đặc biệt khó khăn” (chi tiết tại ý 2.2.3 tiết 2.2 điểm 2 mục IV Phần B Kết luận thanh tra này); giao Sở LĐTBXH và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Dự án 5 “Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình” trong đó có tập huấn cho cán bộ làm công tác giảm nghèo (chi tiết tại tiết 2.5 điểm 2 mục IV Phần B Kết luận thanh tra này).

4.2. Tại huyện Trạm Tấu

UBND huyện không bố trí kinh phí để tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo trong địa bàn huyện.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

5.1. Tại tỉnh

5.1.1. Việc thực hiện kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra của cơ quan trung ương

- Năm 2020, Kiểm toán nhà nước Khu vực VII đã tiến hành kiểm toán ngân sách năm 2020 tại tỉnh Yên Bái, trong đó có kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại Sở LĐTBXH (Thông báo số 782/TB-KV VII ngày 29/10/2021 kết luận, kiến nghị kiểm toán qua đối chiếu tại Sở LĐTBXH) và Sở TTTT (Thông báo số 781/TB-KV VII ngày 25/10/2021 kết luận, kiến nghị kiểm toán qua đối chiếu tại Sở TTTT) kết luận: đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đúng quy định.

- Năm 2021, Thanh tra Ủy ban Dân tộc đã thanh tra việc thực hiện một số chính sách dân tộc tại tỉnh Yên Bái, trong đó có Dự án 2 - Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 (Kết luận thanh tra số 150/KL-TTr ngày 22/4/2022 về việc thực hiện một số chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc tại tỉnh Yên Bái). Tại thời điểm thanh tra, UBND tỉnh đã thực hiện các kiến nghị nêu tại Kết luận thanh tra số 150/KL-TTr.

5.2.2. Việc tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra tại địa phương

- Sở LĐTBXH đã tiến hành 02 cuộc thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mù Cang Chải (năm 2020) và huyện Trấn Yên (năm 2021).

- Năm 2022, Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh đã giám sát việc thực hiện quy trình rà soát công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo giai đoạn 2019 - 2021 tại Sở LĐTBXH và 04 huyện: Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Yên và Yên Bình.

5.2. Tại huyện Trạm Tấu

Năm 2021, UBND huyện Trạm Tấu đã tiến hành 02 cuộc thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo, công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các xã Xà Hồ, Phình Hồ, Pá Lau; thanh tra việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng

các nguồn kinh phí được giao và nguồn kinh phí ủy quyền được ngân sách nhà nước cấp tại Phòng LĐTĐXH.

5.3. Tại xã Bản Công

Các cơ quan chuyên môn tại xã đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát: HĐND xã giám sát về công tác điều tra, rà soát hộ nghèo (năm 2021); Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội giám sát về việc chi trả tiền làm nhà vệ sinh, chi trả tiền bảo vệ rừng và chính sách hỗ trợ giảm nghèo (năm 2020, năm 2022); Ban kinh tế - xã hội, HĐND xã giám sát việc chi trả trợ cấp xã hội cho các đối tượng chính sách xã hội.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

Tại tỉnh, huyện Trạm Tấu và xã Bản Công đã thực hiện công tác báo cáo thường xuyên, đột xuất về thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

II. CÔNG TÁC RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

1. Ban hành kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm

Tỉnh, huyện Trạm Tấu và xã Bản Công đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

2. Phân bổ kinh phí phục vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

2.1. Tại tỉnh

UBND tỉnh đã phân bổ 1.597.000.000 đồng thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, trong đó:

- Năm 2020: phân bổ 300.000.000 đồng cho Sở LĐTĐXH thực hiện. Kiểm toán nhà nước Khu vực VII đã tiến hành kiểm toán ngân sách của tỉnh năm 2020, trong đó có kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại Sở LĐTĐXH. Vì vậy, Thanh tra Bộ LĐTĐXH không tiến hành kiểm tra hồ sơ, chứng từ liên quan đến nội dung này.

- Năm 2021: phân bổ 897.050.000 đồng cho Sở LĐTĐXH và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện.

Tại Sở LĐTĐXH kinh phí được phân bổ 208.410.000 đồng, đã sử dụng 173.962.400 đồng, trong đó: chi công tác phí thực hiện kiểm tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (số tiền 63.320.000 đồng); chi xăng xe đi kiểm tra, giám sát (số tiền 10.972.000 đồng); in 3.247 quyển tài liệu hướng dẫn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (số tiền 98.510.000 đồng); photo 22 bộ tài liệu cho đại biểu tham gia tập huấn trực tuyến về nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo do Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo tổ chức (số tiền 1.160.000 đồng). Hồ sơ, chứng từ lưu trữ đầy đủ theo quy định.

- Năm 2022: phân bổ 300.000.000 đồng cho Sở LĐTĐXH và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Đến thời điểm thanh tra, Sở và các huyện, thị xã, thành phố chưa triển khai thực hiện.

2.2. Tại huyện Trạm Tấu

- Năm 2020: không được giao kinh phí thực hiện.
- Năm 2021: kinh phí được phân bổ 72.384.500 đồng, đã sử dụng 72.384.500 đồng, trong đó: in phiếu và biểu mẫu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (số tiền 14.933.000 đồng); tổng hợp báo cáo, văn phòng phẩm và làm thêm giờ (số tiền 6.000.000 đồng); hỗ trợ 12/12 xã, thị trấn thu thập thông tin rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (số tiền 29.030.000 đồng); chi tập huấn cho 57 đại biểu là trưởng thôn, bản, tổ dân phố về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (số tiền 22.421.500 đồng). Hồ sơ, chứng từ lưu trữ đầy đủ theo quy định.
- Năm 2022: tại thời điểm thanh tra, chưa được phân bổ kinh phí.

2.3. Tại xã Bản Công: không được giao kinh phí thực hiện.

3. Kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm

3.1. Tại tỉnh

- Không phát sinh việc phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Năm 2021, Sở LĐTBXH đã kiểm tra, giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại 09/09 đơn vị cấp huyện.

3.2. Tại huyện Trạm Tấu

- Phòng LĐTBXH đã thực hiện phúc tra 05 lượt về kết quả rà soát hộ nghèo (năm 2020: 02 lượt; 2021: 03 lượt), kết quả: giữ nguyên kết quả rà soát hộ nghèo của cấp xã (05 hộ thoát nghèo).
- Năm 2021, UBND huyện thực hiện kiểm tra, giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

3.3. Tại xã Bản Công

- Không phát sinh việc phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Năm 2021, Đoàn giám sát HĐND xã giám sát về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã.

4. Tổng hợp, phê duyệt và báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm

4.1. Tại tỉnh

Đã tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo báo cáo Bộ LĐTBXH theo quy định. Tại Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 15/12/2021, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt 10.454 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 4,76%), 15.854 hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ 7,21%) theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020; 39.721 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 18,07%), 17.243 hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ 7,85%) theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

4.2. Tại huyện Trạm Tấu

Đã tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Tại Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 20/12/2021,

Chủ tịch UBND huyện phê duyệt 2.028 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 29,15%), 822 hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ 11,81%) theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020; 4.406 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 63,32%), 578 hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ 8,31%) theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

4.3. Tại xã Bản Công

- Đã ban hành quyết định công nhận 802 hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; cấp 726 giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Xác minh trực tiếp 05 hộ gia đình, gồm ông Hảng A Chư (thôn Kháo Chu, xã Bản Công); ông Giàng A Lang, ông Giàng A Khu, ông Giàng A Cáng, ông Giàng A Lòng (thôn Bản Công, xã Bản Công), kết quả: 05/05 hộ gia đình đảm bảo các tiêu chí được công nhận hộ nghèo.

III. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO

1. Hỗ trợ về y tế

1.1.1. Tại tỉnh

a) *Hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là BHYT)*

Số liệu toàn tỉnh: đã hỗ trợ mua thẻ BHYT cho 85.957 lượt người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (48.668 lượt người thuộc hộ nghèo, 37.289 lượt người thuộc hộ cận nghèo), số tiền 52.530.000.000 đồng.

b) *Thành lập và hoạt động của Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo*

- Đã thành lập Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo; Ban quản lý Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Yên Bái.

- Chưa bố trí ngân sách nhà nước thực hiện Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo; chưa hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chi phí khám chữa bệnh cho các đối tượng thuộc hộ nghèo trong toàn tỉnh.

- Chưa ban hành quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chi phí khám chữa bệnh cho các đối tượng thuộc hộ nghèo.

- Hằng năm, Sở Y tế chưa chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp tình hình hoạt động của Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo trình Chủ tịch UBND tỉnh gửi Bộ Y tế tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

1.1.2. Tại huyện Trạm Tấu

Đã hỗ trợ mua thẻ BHYT cho 2.237 lượt người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, số tiền 1.491.518.500 đồng, trong đó: 855 lượt người thuộc hộ nghèo, số tiền 565.231.500 đồng; 1.382 lượt người thuộc hộ cận nghèo, số tiền 926.287.000 đồng.

1.1.3. Tại xã Bản Công

100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ mua thẻ BHYT.

2. Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo

2.1. Tại tỉnh

Số liệu toàn tỉnh: đã hỗ trợ giáo dục, đào tạo cho 452.405 lượt trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông (sau đây gọi tắt là học sinh) thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, số tiền 238.660.000.000 đồng, trong đó: miễn học phí cho 84.495 lượt học sinh, số tiền 28.920.000.000 đồng; giảm học phí cho 86.675 lượt học sinh, số tiền 24.981.000.000 đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho 172.533 lượt học sinh, số tiền 112.478.000.000 đồng; hỗ trợ ăn trưa cho 103.702 lượt học sinh, số tiền 72.281.000.000 đồng.

2.2. Tại huyện Trạm Tấu

- Đã hỗ trợ giáo dục, đào tạo cho 58.179 lượt học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, số tiền 23.153.120.000 đồng, trong đó: miễn học phí cho 15.267 lượt học sinh, số tiền 1.833.470.000 đồng; giảm học phí cho 76 lượt học sinh, số tiền 4.950.000 đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho 30.020 lượt học sinh, số tiền 12.884.100.000 đồng; hỗ trợ ăn trưa cho 12.816 lượt học sinh, số tiền 8.430.600.000 đồng.

- Kiểm tra chứng từ hỗ trợ chi phí học tập từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 tại Trường phổ thông dân tộc bán trú (sau đây viết tắt là PTDTBT) tiểu học và trung học cơ sở xã Xà Hồ, kết quả: đối với học sinh từ lớp 1 đến lớp 4 và từ lớp 6 đến lớp 8, nhà trường mới chi trả 02 tháng, còn thiếu 03 tháng đối với 713 học sinh, tổng số tiền chưa chi trả là 320.850.000 đồng; đối với học sinh lớp 5 và lớp 9, nhà trường đã phát đủ 05 tháng cho học sinh; các học sinh có tên trong danh sách ký nhận tiền đều có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo; chứng từ lưu trữ đầy đủ.

2.3. Tại xã Bản Công

- Đã hỗ trợ giáo dục, đào tạo cho 4.751 lượt học sinh, tổng số tiền 1.977.043.000 đồng, trong đó: miễn học phí cho 1.404 lượt học sinh, số tiền 196.310.000 đồng; hỗ trợ chi phí học tập cho 2.646 lượt học sinh, số tiền 1.315.733.000 đồng; hỗ trợ tiền ăn trưa cho 701 lượt học sinh, số tiền 465.000.000 đồng.

- Kiểm tra xác suất 05 học sinh cư trú tại thôn Tà Chừ, xã Bản Công (Giàng Thị Cu, Hồ Thị Ngọc Vân, Hồ Thị Linh, Giàng A Súa và Giàng A Sang) có tên trong danh sách hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập từ tháng 01/2022 đến tháng 5/2022, kết quả: 05/05 học sinh đều có cha, mẹ thuộc diện hộ nghèo, đủ điều kiện được hưởng chế độ.

- Kiểm tra chứng từ hỗ trợ chi phí học tập tại Trường PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở xã Bản Công và Trường mầm non Sơn Ca xã Bản Công, kết quả:

+ Việc hỗ trợ chi phí học tập (năm học 2021-2022) của cả hai trường được thực hiện 02 lần/năm, trong đó thời gian chi trả lần 1 vào tháng 01/2022, lần 2 vào tháng 5/2022.

+ Tại thời điểm thanh tra, Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Bản Công có 665 học sinh (601 học sinh thuộc hộ nghèo, 64 học sinh thuộc vùng

đặc biệt khó khăn) chưa nhận đầy đủ tiền hỗ trợ chi phí học tập, tổng số tiền là 256.800.000 đồng, trong đó 312 học sinh (từ lớp 1 đến lớp 4) còn thiếu 03 tháng, số tiền chưa chi trả là 140.000.000 đồng; 194 học sinh (từ lớp 5 đến lớp 8) còn thiếu 04 tháng, số tiền chưa chi trả là 116.400.000 đồng.

3. Hỗ trợ về nhà ở

3.1. Tại tỉnh

Số liệu toàn tỉnh: đã hỗ trợ xây dựng 918 căn nhà cho hộ nghèo, số tiền 24.816.000.000 đồng (năm 2010: 606 căn nhà, số tiền 14.860.000.000 đồng; năm 2021: 312 căn nhà, số tiền 14.606.000.000 đồng).

3.2. Tại huyện Trạm Tấu

Đã hỗ trợ xây dựng 161 căn nhà cho hộ nghèo, số tiền 7.450.000.000 đồng (năm 2020: 11 căn nhà, số tiền 350.000.000 đồng; năm 2021: 143 căn nhà, số tiền 6.850.000.000 đồng; năm 2022: 07 căn nhà, số tiền 250.000.000 đồng) từ nguồn xã hội hóa (hỗ trợ, đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân).

3.3. Tại xã Bản Công

Đã hỗ trợ về nhà ở cho 18 hộ nghèo, số tiền 840.000.000 đồng từ nguồn xã hội hóa (năm 2020: 03 hộ được xây nhà mới và 01 hộ sửa chữa, số tiền 140.000.000 đồng; năm 2021: 14 hộ được xây nhà mới, số tiền 700.000.000 đồng).

4. Hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

4.1. Tại tỉnh

Số liệu toàn tỉnh: đã hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề (do tỉnh không có quỹ đất nên chuyển sang hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề) và hỗ trợ nước sinh hoạt cho 1.906 hộ nghèo, tổng số tiền là 3.300.000.000 đồng, trong đó: chuyển đổi ngành nghề (mua sắm nông cụ phụ vụ sản xuất) 126 hộ nghèo, số tiền 630.000.000 đồng; hỗ trợ nước sinh hoạt cho 1.780 hộ nghèo, số tiền 2.670.000.000 đồng (năm 2020).

4.2. Tại huyện Trạm Tấu: không thực hiện.

5. Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý

5.1. Tại tỉnh

Số liệu toàn tỉnh: đã hỗ trợ tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý cho 364 người (267 người thuộc hộ nghèo; 97 người thuộc hộ cận nghèo), trong đó: hỗ trợ tham gia tố tụng cho 360 người; tư vấn pháp luật cho 04 người.

5.2. Tại huyện Trạm Tấu: không thực hiện.

5.3. Tại xã Bản Công

UBND xã phối hợp với Sở Tư pháp tư vấn pháp luật cho 248 người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo (năm 2020: 82 người tại thôn Tà Xùa; năm 2021: 83 người tại thôn Bản Công; năm 2022: 83 người tại thôn Kháo Chu).

6. Hỗ trợ điều kiện tiếp cận thông tin, tuyên truyền

6.1. Tại tỉnh

- UBND tỉnh không bố trí kinh phí địa phương để hỗ trợ điều kiện tiếp cận thông tin, tuyên truyền cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Năm 2020, UBND tỉnh sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo do trung ương cấp, phân bổ cho Sở TTTT thực hiện Dự án 4 “Truyền thông và giảm nghèo về thông tin” (chi tiết tại tiết 2.4 điểm 2 mục IV Phần B Kết luận thanh tra này).

6.2. Tại huyện Trạm Tấu

- UBND huyện không bố trí kinh phí địa phương để hỗ trợ điều kiện tiếp cận thông tin, tuyên truyền cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Năm 2020, UBND huyện sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo do trung ương cấp, phân bổ cho Phòng Văn hóa và Thông tin thực hiện Dự án 4 “Truyền thông và giảm nghèo về thông tin” (chi tiết tại tiết 2.4 điểm 2 mục IV Phần B Kết luận thanh tra này).

6.3. Tại xã Bản Công: không thực hiện.

7. Hỗ trợ về tiền điện

7.1. Tại tỉnh

Số liệu toàn tỉnh: đã hỗ trợ tiền điện cho 79.889 lượt hộ nghèo, số tiền 39.901.060.000 đồng (năm 2020: 24.877 lượt hộ nghèo, số tiền 16.535.000.000 đồng; năm 2021: 15.291 lượt hộ nghèo, số tiền 10.162.800.000 đồng; năm 2022 (giao dự toán): 39.721 lượt hộ nghèo, số tiền 13.203.260.000 đồng).

7.2. Tại huyện Trạm Tấu

Đã hỗ trợ tiền điện cho 34.453 lượt hộ nghèo, số tiền 5.726.088.600 đồng (năm 2020: 11.537 lượt hộ nghèo, số tiền 1.917.449.400 đồng; năm 2021: 9.708 lượt hộ nghèo, số tiền 1.613.469.600 đồng; quý I, II, III/2022: 13.208 lượt hộ nghèo, số tiền 2.195.169.600 đồng).

7.3. Tại xã Bản Công

Đã hỗ trợ tiền điện cho 955 lượt hộ nghèo, số tiền 559.429.200 đồng (năm 2020: 275 lượt hộ nghèo, số tiền 182.820.000 đồng; năm 2021: 226 lượt hộ nghèo, số tiền 150.244.800 đồng; quý I, II, III/2022: 454 lượt hộ nghèo, số tiền 226.364.400 đồng).

8. Hỗ trợ ưu đãi vay vốn tín dụng

8.1. Tại tỉnh

Số liệu toàn tỉnh: Chi nhánh NHCSXH tỉnh đã xét duyệt cho 19.639 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo vay tổng số tiền 1.138.491.000.000 đồng (năm 2020: 7.155 lượt hộ, số tiền 333.427.000.000 đồng; năm 2021: 5.270 lượt hộ, số tiền 294.061.000.000 đồng; năm 2022: 7.214 lượt hộ, số tiền 511.003.000.000 đồng).

8.2. Tại huyện Trạm Tấu

Phòng giao dịch NHCSXH huyện đã xét duyệt cho 1.850 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo vay số tiền 104.428.000.000 đồng (năm 2020: 699 lượt hộ, số tiền 32.620.000.000 đồng; năm 2021: 543 lượt hộ, số tiền 30.025.000.000 đồng; năm 2022: 608 lượt hộ, số tiền 41.783.000.000 đồng).

8.3. Tại xã Bản Công

- Có 889 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo vay số tiền 37.242.999.376 đồng (năm 2020: 314 lượt hộ, số tiền 9.614.000.000 đồng; năm 2021: 281 lượt hộ, số tiền 12.108.999.376 đồng; năm 2022: 294 lượt hộ, số tiền 15.520.000.000 đồng).

- Xác minh trực tiếp 04 hộ dân cư trú tại thôn Bản Công, xã Bản Công vay vốn chăn nuôi trâu, kết quả: 04/04 hộ đảm bảo tiêu chí hộ nghèo/hộ cận nghèo; đã được vay vốn và sử dụng vốn vay đúng mục đích, đang chăn nuôi 03 con trâu/hộ.

9. Kết quả vận động và thực hiện Quỹ “Vì người nghèo”

9.1. Tại tỉnh

Số liệu toàn tỉnh: Thường trực Ban vận động Quỹ của tỉnh đã vận động được 44.541.000.000 đồng, cùng với số dư năm trước chuyển sang 4.126.000.000 đồng, đã hỗ trợ 44.581.000.000 đồng cho các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.

9.2. Tại huyện Trạm Tấu

Ban vận động Quỹ của huyện đã vận động được 392.516.000 đồng, cùng với số dư năm trước chuyển sang 372.152.000 đồng, đã hỗ trợ 380.000.000 đồng cho các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, gồm: hỗ trợ xây dựng 10 nhà đại đoàn kết, trị giá 280.000.000 đồng; sửa chữa 02 nhà, trị giá 20.000.000 đồng; hỗ trợ 53 hộ làm đơn thoát nghèo, số tiền 53.000.000 đồng; tặng 108 suất quà cho hộ nghèo, trị giá 27.000.000 đồng.

9.3. Tại xã Bản Công

Ban vận động Quỹ của xã đã vận động được 6.118.000 đồng; đã hỗ trợ 21 hộ nghèo tiêu biểu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, Nhà nước 100.000 đồng/hộ, tổng số tiền 2.100.000 đồng.

IV. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO

1. Phân bổ ngân sách

1.1. Tại tỉnh

1.1.1. Nguồn vốn thực hiện

Trong thời kỳ thanh tra, tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh được phân bổ 513.468.000.000 đồng (ngân sách trung ương 513.468.000.000 đồng, ngân sách đối ứng của tỉnh 0 đồng), trong đó:

- Năm 2020: ngân sách trung ương 283.485.000.000 đồng (theo Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/11/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Năm 2021: ngân sách trung ương 4.997.000.000 đồng (theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 14795/BTC-NSNN ngày 27/12/2021 của Bộ Tài chính).

- Năm 2022: ngân sách trung ương 224.986.000.000 đồng (theo Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Năm 2020 và năm 2021, tỉnh không phải bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình, vì địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương trên 70% (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình).

Năm 2022, tỉnh đã cân đối, bố trí vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh 22.000.000.000 đồng để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh), tại thời điểm thanh tra, địa phương đang thực hiện các thủ tục đầu tư nên chưa phân bổ chi tiết.

1.1.2. Phân bổ vốn của tỉnh

- Năm 2020: UBND tỉnh ban hành các quyết định phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình là 283.485.000.000 đồng, trong đó Dự án 1 - Chương trình 3a: 116.170.000.000 đồng; Dự án 2 - Chương trình 135: 159.146.000.000 đồng; Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 2.437.000.000 đồng; Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin 3.720.000.000 đồng; Dự án 5: Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá thực hiện chương trình 2.012.000.000 đồng (Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 16/4/2020; Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 03/6/2020; Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 14/7/2020; Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 14/8/2020; Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 22/9/2020; Quyết định số 3315/QĐ-UBND ngày 21/12/2020).

- Năm 2021: UBND tỉnh ban hành quyết định phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình là 4.997.000.000 đồng: Dự án 1 - Chương trình 30a (Tiểu dự án 3: Phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững) 4.257.000.000 đồng; Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 là 740.000.000 đồng” (Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 28/01/2022).

- Năm 2022: ngày 22/6/2022, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; ngày 27/6/2022, UBND tỉnh

ban hành Quyết định số 983/QĐ-UBND về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Theo đó, năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo 224.986.000.000 đồng (gồm Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo 142.682.000.000 đồng; Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo 17.664.000.000 đồng; Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng 7.642.000.000 đồng; Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững 49.655.000.000 đồng; Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo 0 đồng; Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin 1.131.000.000 đồng; Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình 6.212.000.000 đồng).

1.2. Tại huyện Trạm Tấu

Huyện Trạm Tấu được UBND tỉnh phân bổ 152.959.000.000 đồng thực hiện Chương trình, trong đó:

- Năm 2020, được phân bổ 75.528.000.000 đồng (theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh là 75.353.000.000 đồng, Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh là 175.000.000 đồng). UBND huyện đã ban hành các quyết định phân bổ vốn cho Phòng LĐTĐBXH, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng NNPTNT, Phòng Dân tộc, Phòng Văn hoá và Thông tin, Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, Trung tâm Dịch vụ, hỗ trợ nông nghiệp huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện (Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 03/02/2020; Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 25/9/2020).

- Năm 2021: được phân bổ 2.019.000.000 đồng (theo Quyết định số 154/QĐ-UBND của UBND tỉnh) để thực hiện tiểu dự án 3 thuộc Dự án 1 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo). UBND huyện đã phân bổ cho Phòng NNPTNT thực hiện (theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 14/2/2022). Tại thời điểm thanh tra, huyện đang triển khai thực hiện.

- Năm 2022: được phân bổ 75.412.000.000 đồng (theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh). Tại thời điểm thanh tra, huyện đang triển khai thực hiện.

2. Kết quả thực hiện

Tại thời điểm thanh tra, địa phương bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình năm 2022. Thanh tra Bộ LĐTĐBXH chỉ kiểm tra, xác minh việc thực hiện Chương trình năm 2020 và năm 2021, gồm các nội dung sau:

2.1. Dự án 1 - Chương trình 30a

2.1.1. Tiểu dự án 1 (hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo)

a) Năm 2020: theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, kinh phí phân bổ cho 02 huyện nghèo (Trạm Tấu và Mù Cang Chải)

là 94.616.000.000 đồng, trong đó thu hồi vốn ứng trước ngân sách trung ương là 16.234.000.000 đồng, bố trí thực hiện kế hoạch năm 2020 là 78.376.000.000 đồng. Kinh phí đã sử dụng 82.781.000.000 đồng.

- Kết quả kiểm tra, xác minh đối với hoạt động thu hồi vốn ứng trước ngân sách trung ương tại Sở Kế hoạch và Đầu tư: tổng vốn ứng trước thực hiện Chương trình 30a năm 2009 cho tỉnh là 49.999.000.000 đồng (thực hiện theo Thông tư liên tịch số 10/2009/TTLT-BKH-BTC ngày 30/10/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình, tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 quy định vốn đầu tư phát triển có hỗ trợ khoán chăm sóc, bảo vệ rừng và chính sách hỗ trợ sản xuất); giai đoạn 2010 - 2015 tỉnh đã bố trí vốn ngân sách trung ương thu hồi vốn ứng trước là 15.963.000.000 đồng; số vốn ứng trước còn lại phải thu hồi là 34.036.000.000 đồng được thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020. UBND tỉnh đã đăng ký vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 tại Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 26/6/2015, trên cơ sở đó Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chỉ đạo thu hồi vốn ứng trước kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 còn lại chưa thanh toán với tổng số vốn phải bố trí là 34.036.000.000 đồng (theo Quyết định 1854/QĐ-BKHĐT ngày 21/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư), kết quả thu hồi vốn ứng trước giai đoạn 2016 - 2020 như sau: năm 2018, đã bố trí 6.807.000.000 đồng (tại Quyết định 394/QĐ-UBND ngày 27/3/2018); năm 2019, đã bố trí 10.995.000.000 đồng (tại Quyết định 487/QĐ-UBND ngày 25/3/2019) và năm 2020, đã bố trí 16.234.000.000 đồng (tại Quyết định 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019). Việc tỉnh bố trí vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 để thu hồi vốn ứng trước từ năm 2009 là 34.036.000.000 đồng (từ vốn đầu tư phát triển) đảm bảo phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh và Quyết định 1854/QĐ-BKHĐT ngày 21/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Kết quả kiểm tra, xác minh tại huyện Trạm Tấu: kinh phí được phân bổ 44.202.000.000 đồng, trong đó thu hồi vốn ứng trước từ ngân sách trung ương là 7.034.000.000 đồng, bố trí thực hiện kế hoạch năm 2020 là 37.168.000.000 đồng (theo các Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, số 657/QĐ-UBND ngày 14/4/2020, số 661/QĐ-UBND ngày 16/4/2020, số 1019/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh), UBND huyện đã phân bổ cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng làm chủ đầu tư thực hiện kế hoạch năm 2020, kinh phí đã thực hiện 30.438.457.000 đồng; phân bổ cho Ban quản lý rừng phòng hộ thực hiện thu hồi vốn ứng trước vốn hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2009, số tiền 3.234.000.000; phân bổ cho 11 xã trên địa bàn huyện thu hồi vốn ứng trước vốn hỗ trợ phân bón chuyên đổi giống cây trồng năm 2009, số tiền 475.536.000 đồng; phân bổ cho 11 xã trên địa bàn huyện thu hồi vốn ứng trước vốn hỗ trợ trâu sinh sản, trâu giống, hỗ trợ hộ nghèo làm chuồng trại chăn nuôi, hỗ trợ giống cỏ và kinh phí quy hoạch sản xuất nông lâm nghiệp và bố trí dân cư năm 2009, số tiền 3.324.464.000 đồng (theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 03/02/2020).

Kiểm tra, xác minh dự án công trình đường liên thôn Tà Xùa, xã Bản công, kết quả:

+ Hồ sơ pháp lý: đúng về trình tự thủ tục (phê duyệt dự toán; lựa chọn nhà thầu; thương thảo, ký kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng; nghiệm thu và thanh lý).

+ Kiểm tra, xác minh thực tế hạng mục bê tông mặt đường tuyến nhánh 1, tổng chiều dài tuyến là 1.151 m và hạng mục thoát nước dọc tuyến nhánh 1, tổng chiều dài rãnh là 547,55 m (các hạng mục khác không kiểm tra, xác minh) theo phương thức đo, đếm, tính toán trên cơ sở kích thước, số lượng quy định trong bản vẽ thiết kế (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, bản vẽ nghiệm thu), kết quả: đơn vị thi công đã thi công đúng, đủ về số lượng, kích thước theo bản vẽ thiết kế.

b) Năm 2021: tỉnh và 02 huyện nghèo không thực hiện do không được phân bổ kinh phí.

2.1.2. *Tiểu dự án 2 (hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo):* tỉnh không có vùng bãi ngang ven biển và hải đảo nên không thực hiện.

2.1.3. *Tiểu dự án 3 (hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo)*

a) Năm 2020: theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, kinh phí phân bổ cho 02 huyện nghèo (Trạm Tàu và Mù Cang Chải) là 16.649.000.000 đồng, kinh phí đã sử dụng 16.585.000.000 đồng.

Kết quả kiểm tra, xác minh tại huyện Trạm Tàu: kinh phí được phân bổ 7.860.000.000 đồng, kinh phí đã sử dụng 7.823.000.000 đồng; Phòng NNPTNN thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo (số tiền được phân bổ 4.225.000.000 đồng, số tiền đã sử dụng 4.211.205.000); Ban quản lý rừng phòng hộ thực hiện khoán chăm sóc, bảo vệ rừng (số tiền được phân bổ 3.225.380.000 đồng, số tiền đã sử dụng 3.201.434.300 đồng); Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ nông nghiệp thực hiện hỗ trợ vắc xin tiêm phòng (số tiền được phân bổ 409.620.000 đồng, số tiền đã sử dụng 409.620.000 đồng).

- Đối với 07 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do Phòng NNPTNT thực hiện (gồm: 04 dự án hỗ trợ gà đen giống và vật tư chăn nuôi cho 100 hộ nghèo, tổng số tiền 630.000.000 đồng; 01 dự án chăn nuôi lợn đen bản địa hỗ trợ cho 15 hộ nghèo, số tiền 225.000.000 đồng; 02 dự án hỗ trợ trồng rau vụ đông cho 67 hộ nghèo, tổng số tiền 500.000.000 đồng):

+ Tất cả các dự án được UBND các xã xây dựng dự án và thuyết minh dự án theo quy trình quy mô cấp xã được quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ NNPTNT, đều không phải là dự án quy mô liên xã (theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017), tuy nhiên khi thực hiện, UBND huyện làm chủ đầu tư (giao Phòng NNPTNT thực hiện) là không đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017.

+ Hồ sơ, quy trình xây dựng các dự án đầy đủ theo quy định (đơn đăng ký của hộ gia đình, biên bản họp thôn; tờ trình và thuyết minh dự án của UBND cấp xã); hồ sơ, thủ tục phê duyệt mua bán đầy đủ theo quy định (quyết định phê

duyệt dự toán, phê duyệt danh sách các hộ tham gia dự án; quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; quyết định phê duyệt chỉ định gói thầu của Chủ tịch UBND huyện; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu và bàn giao).

+ Thuyết minh của 03 dự án (01 dự án chăn nuôi lợn đen và 02 dự án hỗ trợ trồng rau vụ đông) không đầy đủ nội dung theo quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 (không có nội dung kỹ thuật thực hiện dự án, quy trình chăn nuôi/trồng trọt, định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng).

+ Xác minh trực tiếp 04 hộ nghèo thuộc thôn Tà Xùa, xã Bản Công có tên tham gia dự án hỗ trợ gà đen giống và vật tư chăn nuôi (gồm: ông Sùng A Rua, ông Phàng A Sùng, ông Phàng A Tu, ông Phàng A Sáng), kết quả: 04/04 hộ đã nhận gà đen giống, cám, máng đựng nước uống, thức ăn và thuốc chữa bệnh.

- Đối với dự án “Hỗ trợ ngô giống mới vụ xuân năm 2020” cho 3.038 hộ gia đình, số tiền 2.263.890.000 đồng: xác minh trực tiếp 05 hộ gia đình cư trú tại thôn Tà Xùa, xã Bản Công có tên trong danh sách nhận ngô giống (gồm: ông Phàng A Sáng, ông Sùng A Rua, ông Phàng A Sùng, ông Phàng A Tu, ông Phàng A Sáng), kết quả: 05/05 hộ gia đình đều có tên trong danh sách hộ nghèo, đã nhận ngô giống, trồng và thu hoạch.

- Đối với dự án nhân rộng mô hình trồng dưa bở do Phòng NNTPNT thực hiện cho 12 hộ nghèo, số tiền 50.000.000 đồng:

+ Hồ sơ, quy trình xây dựng các dự án đầy đủ theo quy định (đơn đăng ký của hộ gia đình, biên bản họp thôn; tờ trình và thuyết minh dự án của UBND cấp xã); hồ sơ, thủ tục phê duyệt mua bán đầy đủ theo quy định (quyết định phê duyệt dự toán, phê duyệt danh sách các hộ tham gia dự án; quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; quyết định phê duyệt chỉ định gói thầu của Chủ tịch UBND huyện; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu và bàn giao).

+ Chưa thực hiện kiểm tra, nghiệm thu, tổng kết đánh giá và báo cáo thực hiện nhân rộng mô hình theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017.

- Đối với việc thực hiện khoán chăm sóc, bảo vệ rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ thực hiện: hồ sơ, chứng từ đầy đủ theo quy định (hợp đồng giao khoán, danh sách ký nhận tiền, sơ đồ rừng nhận khoán); xác minh trực tiếp 05 hộ nghèo thuộc thôn Tà Xùa, xã Bản Công có tên trong danh sách khoán bảo vệ rừng (ông Phàng A Sáng, ông Sùng A Rua, ông Phàng A Sùng, ông Phàng A Tu, ông Phàng A Sáng), kết quả: 05/05 hộ đã được nhận tiền giao khoán theo danh sách ký nhận.

- Đối với việc thực hiện hỗ trợ vắc xin tiêm phòng do Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ nông nghiệp thực hiện: xác minh trực tiếp 02 hộ nghèo thuộc thôn Tà Xùa, xã Bản Công có tên trong danh sách hộ sử dụng vắc xin (ông Phàng A Sùng, ông Phàng A Tu), kết quả: 02/02 hộ đã được sử dụng vắc xin tiêm phòng cho trâu.

b) Năm 2021: UBND tỉnh xây dựng lại kế hoạch thực hiện Chương trình (lần hai) dẫn đến tại thời điểm thanh tra địa phương chưa triển khai thực hiện được, cụ thể:

- Thực hiện Công văn số 4206/LĐT BXH-VPQGNN ngày 26/10/2020 của Bộ LĐTBXH về việc lập kế hoạch triển khai Chương trình năm 2021 (cho các dự án 1, 3, 4 và 5 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg), ngày 14/12/2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 230/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Chương trình năm 2021 trên địa bàn tỉnh, trong đó có dự kiến kinh phí thực hiện tiểu dự án 3 (*hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo*) thuộc dự án 1 (*Chương trình 30a*) là 14.616.000.000 đồng. Căn cứ kế hoạch của các địa phương, ngày 08/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2068/QĐ-TTg về việc bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện Chương trình, bổ sung cho tỉnh Yên Bái thực hiện tiểu dự án 3 thuộc dự án 1 là 4.275.000.000 đồng, thực hiện dự án 3 (*hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135*) là 740.000.000 đồng. Ngày 28/01/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 154/QĐ-UBND phân bổ cho huyện Trạm Tấu là 2.019.000.000 đồng, huyện Mù Cang Chải là 2.338.000.000 đồng để thực hiện tiểu dự án 3 thuộc dự án 1.

- Kết quả tra kiểm tra, xác minh tại huyện Trạm Tấu: căn cứ quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh, UBND huyện đã giao Phòng NNPTNT thực hiện Chương trình (theo Quyết định số 118/QĐ-UBND), Phòng NNPTNT tiến hành hướng dẫn UBND các xã thực hiện xây dựng kế hoạch theo quy trình tại Điều 4 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017. Ngày 07/4/2022, UBND huyện ban hành Tờ trình số 46/TTr-UBND gửi Sở NNPTNT và UBND tỉnh phê duyệt các danh mục dự án thực hiện Chương trình; ngày 18/7/2022, Sở NNPTNT ban hành Công văn số 1479/SNN-PTNT gửi UBND các huyện về việc đôn đốc xây dựng kế hoạch; ngày 29/7/2022, Sở NNPTNT ban hành Tờ trình số 109/TTr-SNN trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2021; ngày 05/8/2022, UBND tỉnh Yên Bái ban hành Kế hoạch số 171/KH-UBND thực hiện Chương trình.

Tại Công văn số 14795/BTC-NSNN ngày 27/12/2021 của Bộ Tài chính gửi UBND tỉnh Yên Bái về việc bổ sung dự toán năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động có nội dung "*Kinh phí bổ sung nêu trên được quản lý và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020 cho đến khi thông tư quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực thi hành*". Đến nay, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, có hiệu lực thi hành

từ ngày 01/8/2022. Hiện tại, tỉnh chưa thực hiện Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022.

Như vậy, ngày 14/12/2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 230/KH-UBND thực hiện Chương trình năm 2021 nhưng đến ngày 05/8/2022, UBND tỉnh xây dựng lại và ban hành Kế hoạch số 171/KH-UBND thực hiện Chương trình năm 2021 (căn cứ xây dựng kế hoạch là Thông tư số 15/2017/TT-BTC đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/08/2022). Mặt khác, việc xây dựng kế hoạch sau khi được UBND tỉnh phân bổ vốn là không đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Quy chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg. Vì vậy, tại thời điểm thanh tra, huyện Trạm Tấu chưa triển khai thực hiện Chương trình vì Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 và Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 đã hết hiệu lực thi hành.

2.1.4. Tiểu dự án 4 (hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài)

a) Năm 2020: theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, kinh phí phân bổ cho các huyện là 506.000.000 đồng; kinh phí đã sử dụng 375.230.000 đồng.

- Kết quả tra kiểm tra, xác minh tại huyện Trạm Tấu: kinh phí được phân bổ 280.000.000 đồng; UBND huyện phân bổ cho Phòng LĐTBXH thực hiện (Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 03/02/2020), kinh phí đã sử dụng 246.190.000 đồng tổ chức 06 lớp nâng cao năng lực cho 299 cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Hồ sơ, chứng từ lưu trữ đầy đủ theo quy định; xác minh trực tiếp 02 người có tên trong danh sách tham gia lớp tập huấn (bà Lò Thị Thảo, cán bộ LĐTBXH xã và ông Phàng A Phà, Bí thư thôn Tà Xùa, xã Bản Công), kết quả: 02/02 người khẳng định đã tham gia lớp tập huấn, nhận đầy đủ chế độ và chữ ký nhận là đúng.

- Tại xã Bản Công: không được phân bổ vốn thực hiện.

b) Năm 2021: tỉnh không được phân bổ vốn thực hiện.

2.2. Dự án 2 - Chương trình 135

2.2.1. Tiểu dự án 1 (hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn)

a) Năm 2020: theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, kinh phí phân bổ cho các huyện, xã 113.108.000.000 đồng; tổng số kinh phí đã sử dụng 112.065.000.000 đồng.

Kết quả kiểm tra, xác minh tại huyện Trạm Tấu:

- Kinh phí phân bổ: UBND tỉnh phân bổ cho huyện Trạm Tấu 16.447.000.000 đồng (theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 16/4/2020, Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 03/6/2020), trong đó: hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn: 15.031.000 đồng; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các thôn, bản đặc biệt

khó khăn: 200.000.000 đồng; duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng các thôn, bản đặc biệt khó khăn: 1.216.000.00 đồng. Kinh phí thực hiện: UBND huyện đã giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư thực hiện các dự án, kinh phí đã sử dụng 15.017.480.000 đồng.

- Kiểm tra, xác minh thực tế hạng mục công lấy nước và hạng mục kênh dẫn nước (tổng chiều dài 908,10 m) thuộc dự án công trình thủy lợi Lò Có, xã Bản Công do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện làm chủ đầu tư, kinh phí thực hiện 410.815.000 đồng theo phương thức đo, đếm, tính toán trên cơ sở kích thước, số lượng quy định trong bản vẽ thiết kế (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, bản vẽ nghiệm thu), kết quả: đơn vị thi công đã thi công đúng, đủ về số lượng, kích thước theo bản vẽ thiết kế.

b) Năm 2021: tỉnh không được phân bổ vốn thực hiện.

2.2.2. *Tiểu dự án 2 (hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, các thôn, bản đặc biệt khó khăn)*

a) Năm 2020: theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, kinh phí phân bổ cho các huyện, xã 31.833.000.000 đồng, kinh phí đã sử dụng 31.656.000.000 đồng.

- Kết quả kiểm tra, xác minh tại huyện Trạm Tấu: kinh phí được phân bổ 4.325.000.000 đồng, UBND huyện đã phân bổ cho 11 xã, thị trấn thực hiện (theo Quyết định số 80/QĐ-UBND), kinh phí đã sử dụng 4.242.000.000 đồng.

- Kiểm tra, xác minh tại xã Bản Công: kinh phí được phân bổ 424.020.000 đồng, kinh phí đã sử dụng 395.100.000 đồng thực hiện 02 dự án (hỗ trợ máy xới đất đa năng cho 25 hộ nghèo, tổng số tiền 250.000.000 đồng; hỗ trợ máy xới đất đa năng cho 05 hộ nghèo, máy tuốt lúa cho 09 hộ nghèo, bình phun thuốc trừ sâu cho 05 hộ nghèo, tổng số tiền 145.100.000 đồng), kết quả:

+ Hồ sơ, quy trình xây dựng dự án đầy đủ theo quy định: đơn đăng ký của hộ gia đình, biên bản họp thôn; tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt dự án của UBND xã. Tuy nhiên, tại mục danh sách các hộ gia đình được lựa chọn tham gia dự án trong biên bản họp thôn không ghi số lao động và không ký xác nhận là không đúng quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017.

+ Hồ sơ, thủ tục phê duyệt dự án của UBND huyện đầy đủ theo quy định: báo cáo kết quả thẩm định, phê duyệt dự án của Phòng NNPTNN; báo cáo kết quả thẩm định dự toán kinh phí Phòng Tài chính - Kế hoạch; quyết định phê duyệt dự án, dự toán kinh phí hỗ trợ của Chủ tịch UBND huyện (Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 04/9/2020; Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 04/9/2020).

+ Hồ sơ, thủ tục mua bán đầy đủ theo quy định: tờ trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của UBND xã; báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Phòng Tài chính - Kế hoạch; quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và quyết định phê duyệt chỉ định gói thầu của UBND huyện;

biên bản thương thảo hợp đồng, hợp đồng kinh tế; biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị.

+ Mức hỗ trợ đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 15/12/2015 của HĐND tỉnh Yên Bái: máy xới đất đa năng trị giá 10.000.000 đồng/hộ (30 hộ nghèo); máy tuốt lúa 9.900.000 đồng/hộ (09 hộ nghèo); bình phun thuốc trừ sâu 1.200.000 đồng/hộ (05 hộ nghèo).

+ Xác minh trực tiếp 02 hộ nghèo tại thôn Tà Xùa, xã Bản Công có tên trong danh sách hỗ trợ máy xới đất đa năng (ông Phàng A Sùng, ông Sùng A Rua) kết quả: 02/02 hộ đã nhận máy xới đất đa năng, đang sử dụng tốt phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b) Năm 2021: tỉnh không được phân bổ vốn thực hiện.

2.2.3. Tiểu dự án 3 (nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn; thôn bản đặc biệt khó khăn)

a) Năm 2020: theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, Ban Dân tộc được phân bổ 5.849.000.000 đồng thực hiện tiểu dự án 3; kinh phí đã sử dụng 5.846.120.000 đồng (tổ chức 38 hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho 2.477 học viên tham dự và 02 chuyến thăm quan, học tập trao đổi kinh nghiệm).

Năm 2021, Thanh tra Ủy ban Dân tộc đã thanh tra việc thực hiện một số chính sách dân tộc tại tỉnh Yên Bái, trong đó đã thanh tra Dự án 2 Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 do Ban Dân tộc thực hiện, đã kiểm tra, xác minh về hồ sơ đào tạo, nâng cao năng lực của năm 2019 và năm 2020, xác minh một số học viên (Kết luận thanh tra số 150/KL-TTr ngày 22/4/2022 của Thanh tra Ủy ban Dân tộc). Vì vậy, Thanh tra Bộ LĐTBXH không kiểm tra, xác minh hồ sơ liên quan đến nội dung này; xác minh trực tiếp 01 người (ông Phàng A Phà, Bí thư thôn Tà Xùa, xã Bản Công, huyện Trạm Tấu) có tên trong danh sách tham gia lớp tập huấn phát triển kinh tế hộ gia đình và cách phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi năm 2020 do Ban Dân tộc tổ chức, kết quả: đã tham gia lớp tập huấn, nhận đầy đủ chế độ và chữ ký nhận là đúng.

b) Năm 2021: tỉnh không được phân bổ vốn thực hiện.

2.3. Dự án 3 (hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135)

a) Năm 2020: kinh phí phân bổ cho tỉnh 2.437.000.000 đồng, kinh phí đã sử dụng 2.336.000.000 đồng.

b) Năm 2021: kinh phí phân bổ cho tỉnh 740.000.000 đồng. UBND tỉnh phân bổ cho huyện Yên Bình 276.000.000 đồng, huyện Văn Yên 230.000.000 đồng, huyện Lục Yên 234.000.000 đồng (Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 28/01/2022).

Đến thời điểm thanh tra, các huyện chưa triển khai thực hiện vì UBND tỉnh xây dựng lại kế hoạch thực hiện (chi tiết tại ý b tiểu tiết 2.1.3 tiết 2.1 điểm 2 mục IV Phần B Kết luận thanh tra này).

2.4. Dự án 4 (truyền thông và giảm nghèo về thông tin)

2.4.1. Truyền thông về giảm nghèo

a) Năm 2020: theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, Sở LĐTBXH và các huyện, thị xã, thành phố được phân bổ kinh phí thực hiện 1.302.000.000 đồng, kinh phí đã sử dụng 1.286.000.000 đồng.

- Kết quả tra kiểm tra, xác minh tại Sở LĐTBXH: kinh phí đã sử dụng 779.424.000 đồng, chi hoạt động duy trì chuyên trang “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững” trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (cập nhật 200 tin, bài, hình ảnh, phóng sự về công tác giảm nghèo); xây dựng, biên tập và tổ chức phát sóng 7 phóng sự truyền hình về công tác giảm nghèo trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; đăng tải 05 tác phẩm báo chí về công tác giảm nghèo trong chuyên mục “Giảm nghèo bền vững” trên Báo Yên Bái; đăng tải 15 tác phẩm báo chí về công tác giảm nghèo tại tỉnh Yên Bái trên Tạp chí Lao động xã hội và Tạp chí Lao động xã hội điện tử; biên tập, in ấn, xuất bản 21.500 tờ rơi tuyên truyền về công tác giảm nghèo để tổ chức tuyên truyền tại tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; phát hành 1.929 cuốn sổ tay dành cho cán bộ làm công tác giảm nghèo; xây dựng 8 pano tuyên truyền về công tác giảm nghèo. Năm 2021, Kiểm toán nhà nước khu vực VII đã kiểm toán các hoạt động nêu trên (Quyết định số 1005/QĐ-KTNN ngày 31/5/2021 và Thông báo số 782/TB-KV VII ngày 29/10/2021). Vì vậy, Thanh tra Bộ LĐTBXH không kiểm tra chứng từ các hoạt động chi truyền thông về giảm nghèo tại Sở LĐTBXH.

- Kết quả tra kiểm tra, xác minh tại huyện Trạm Tấu: kinh phí đã sử dụng 59.000.000 đồng, Phòng Văn hoá và Thông tin thực hiện các nội dung: đưa 52 tin, tin bài, tin ảnh lên Trang thông tin điện tử huyện, số tiền 7.800.000 đồng; 92 buổi tuyên truyền lưu động triển khai các chính sách an sinh xã hội về truyền thông giảm nghèo về thông tin tại 10 xã vùng cao, số tiền 43.583.000 đồng; văn phòng phẩm 7.617.000 đồng. Hồ sơ, chứng từ lưu trữ đầy đủ theo quy định.

b) Năm 2021: tỉnh không được phân bổ vốn thực hiện.

2.4.2. Giảm nghèo về thông tin

a) Năm 2020: theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, Sở TTTT và các huyện, thị xã, thành phố được phân bổ 2.418.000.000 đồng, kinh phí đã sử dụng 2.392.000.000 đồng.

- Kết quả kiểm tra, xác minh tại Sở TTTT: kinh phí đã sử dụng 1.548.207.000 đồng thực hiện trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động 04 huyện (Trần Yên, Lục Yên, Yên Bình, thị xã Nghĩa Lộ) và 08 xã (Hồng Ca, Việt Hồng - huyện Trần Yên; Nà Hẩu - huyện Văn Yên; Xuân Long - huyện Yên Bình; Khánh Thiện, Lâm Thượng - huyện Lục Yên; Phúc Sơn, Nghĩa An - thị xã Nghĩa Lộ). Năm 2021, Kiểm toán nhà nước khu vực VII đã kiểm toán

các hoạt động nêu trên (Quyết định số 1005/QĐ-KTNN ngày 31/5/2021 và Thông báo số 781/TB-KV VII ngày 25/10/2021). Vì vậy, Thanh tra Bộ LĐTBXH không kiểm tra chứng từ các hoạt động chi giảm nghèo về thông tin tại Sở TTTT.

- Kết quả kiểm tra, xác minh tại huyện Trạm Tấu: kinh phí đã sử dụng 175.000.000 đồng, UBND huyện phân bổ cho Phòng Văn hoá và Thông tin thực hiện (tại Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 30/3/2020) các nội dung: mua sắm 35 tivi 32 inch, đầu thu và dây tín hiệu cấp cho 35 hộ nghèo. Hồ sơ, chứng từ lưu trữ đầy đủ theo quy định; xác minh trực tiếp 01 hộ nghèo (ông Hàng A Chu, thôn Kháo Chu, xã Bản Công) có tên trong danh sách nhận hỗ trợ, kết quả: đã nhận tivi 32 inch, đầu kỹ thuật số, chảo vệ tinh và dây tín hiệu, đang sử dụng phục vụ việc tiếp cận thông tin.

b) Năm 2021: tỉnh không được phân bổ vốn thực hiện.

2.5. Dự án 5 (nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình)

a) Năm 2020: theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, Sở LĐTBXH và các huyện, thị xã, thành phố được phân bổ kinh phí thực hiện 2.012.000.000 đồng, kinh phí đã sử dụng 1.877.000.000 đồng.

- Kết quả kiểm tra, xác minh tại Sở LĐTBXH: kinh phí đã sử dụng 1.161.000.000 đồng tổ chức 16 lớp tập huấn cho 1.319 học viên là cán bộ làm công tác giảm nghèo tại Phòng LĐTBXH, các xã, phường, thị trấn và thôn, bản trên địa bàn tỉnh; tổ chức 163 cuộc giám sát tình hình thực hiện công tác giảm nghèo tại 09 huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Năm 2021, Kiểm toán nhà nước khu vực VII đã kiểm toán các hoạt động nêu trên (Quyết định số 1005/QĐ-KTNN ngày 31/5/2021 và Thông báo số 782/TB-KV VII ngày 29/10/2021). Vì vậy, Thanh tra Bộ LĐTBXH không kiểm tra chứng từ các hoạt động chi nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình tại Sở LĐTBXH.

- Kết quả kiểm tra, xác minh tại huyện Trạm Tấu: kinh phí đã sử dụng 88.650.000 đồng, UBND huyện giao Phòng LĐTBXH thực hiện photo 250 bộ tài liệu và văn phòng phẩm phục vụ rà soát hồ sơ hộ nghèo, hộ cận nghèo (số tiền 20.000.000 đồng); tập huấn nâng cao năng lực cho 64 cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã (số tiền 39.200.000 đồng), công tác phí phục vụ 02 đoàn kiểm tra, giám sát công tác giảm nghèo tại các xã, thị trấn (số tiền 29.450.000 đồng). Hồ sơ, chứng từ lưu trữ đầy đủ theo quy định; xác minh trực tiếp 01 trường hợp có tên tham gia tập huấn về nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo năm 2020 (ông Phàng A Phà, Bí thư thôn Tà Xùa, xã Bản Công, huyện Trạm Tấu), kết quả: đã tham gia tập huấn, nhận đầy đủ chế độ và chữ ký nhận là đúng.

b) Năm 2021: tỉnh không được phân bổ vốn thực hiện.

C. KẾT LUẬN

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO ĐÃ ĐƯỢC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN

1. UBND tỉnh Yên Bái

1.1. Đã ban hành văn bản và chỉ đạo các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

1.2. Đã thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025; thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

1.3. Đã thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo.

1.4. Đã chỉ đạo Sở LĐTBXH tiến hành 02 cuộc thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo tại huyện Mù Cang Chải và huyện Trấn Yên.

1.5. Đã phân bổ kinh phí cho Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng hợp, phê duyệt và báo cáo Bộ LĐTBXH kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ.

1.6. Đã thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo về y tế; giáo dục và đào tạo; nhà ở; đất sản xuất, nước sinh hoạt; tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý; điều kiện tiếp cận thông tin, tuyên truyền; tiền điện; ưu đãi vay vốn tín dụng; đã vận động Quỹ "Vì người nghèo" và hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn.

1.7. Đã phân bổ ngân sách trung ương thực hiện các chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025.

1.8. Đã thực hiện công tác báo cáo thường xuyên và đột xuất về thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

2. UBND huyện Trạm Tấu

2.1. Đã ban hành và chỉ đạo các phòng, ban và UBND cấp xã ban hành văn bản triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

2.2. Đã thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2026; thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2.3. Đã thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho trưởng thôn, bản, tổ dân phố về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2.4. Đã tiến hành 01 cuộc giám sát việc thực hiện quy trình rà soát công nhận hộ nghèo, cận nghèo và 02 cuộc thanh tra về thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

2.5. Đã ban hành kế hoạch và chỉ đạo cấp xã rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ; tổng hợp, phê duyệt và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ.

2.6. Đã thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo về y tế; giáo dục và đào tạo; nhà ở; tiền điện; tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý; ưu đãi vay vốn tín dụng; đã vận động Quỹ “Vì người nghèo” của huyện và hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn.

2.7. Đã phân bổ kinh phí cho Phòng LĐTBXH, Phòng NNPTNT, Phòng Văn hoá và Thông tin, Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, Trung tâm Dịch vụ, hỗ trợ nông nghiệp và UBND các xã, thị trấn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các hộ gia đình được xác minh đều nhận đủ chế độ, chính sách hoặc đã tham gia dự án; một số hạng mục công trình được xác minh đủ về kích thước, khối lượng theo bản vẽ thiết kế.

2.8. Đã thực hiện công tác báo cáo thường xuyên và đột xuất về thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

3. Xã Bản Công, huyện Trạm Tấu

3.1. Đã ban hành văn bản tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn xã.

3.2. Đã thành lập Ban giảm nghèo; Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

3.3. Đã thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách hỗ trợ giảm nghèo thông qua loa truyền thanh xã và các hội nghị, cuộc họp của xã, thôn.

3.4. Đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm.

3.5. Đã thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo về y tế; giáo dục và đào tạo; nhà ở; tiền điện; ưu đãi vay vốn tín dụng; đã vận động Quỹ “Vì người nghèo” của xã và hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn.

3.6. Đã thực hiện các tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho xã đặc biệt khó khăn do UBND huyện giao làm chủ đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Hồ sơ, chứng từ thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất được lưu trữ đầy đủ; mức trợ cấp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đúng quy định tại Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Yên Bái; các hộ gia đình được xác minh trực tiếp đã nhận máy, thiết bị hỗ trợ.

3.7. Đã thực hiện công tác báo cáo thường xuyên và đột xuất về thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO CHƯA ĐƯỢC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN HOẶC THỰC HIỆN CHƯA ĐẦY ĐỦ

1. UBND tỉnh Yên Bái

1.1. Chưa bố trí ngân sách nhà nước thực hiện Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo; chưa ban hành quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chi phí khám chữa bệnh; chưa hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chi phí khám chữa bệnh cho các đối tượng thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 18/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.2. Năm 2021, UBND tỉnh xây dựng lại kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 (lần hai) dẫn đến tại thời điểm thanh tra chưa triển khai thực hiện được Chương trình (chi tiết tại ý b tiêu tiết 2.1.3 tiết 2.1 điểm 2 mục IV Phần B Kết luận thanh tra này). Mặt khác, việc UBND tỉnh ban hành kế hoạch sau khi UBND tỉnh phân bổ vốn là không đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Quy chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016. Vì vậy, tại thời điểm thanh tra, huyện Trạm Tấu chưa triển khai thực hiện Chương trình năm 2021 vì Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 và Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 đã hết hiệu lực thi hành.

2. Sở Y tế

2.1. Chưa tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách nhà nước thực hiện Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo; ban hành quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo.

2.2. Hằng năm, chưa chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp tình hình hoạt động của Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo trình Chủ tịch UBND tỉnh gửi Bộ Y tế để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 18/10/2013.

3. Sở NNPTNT

Tham mưu UBND tỉnh ban hành lần hai kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 (tại Tờ trình số 109/TTr-SNN ngày 29/7/2022) là không đúng quy định tại Điều 4 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 và điểm a khoản 4 Điều 5 Quy chế quản lý, điều hành thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Huyện Trạm Tấu

4.1. Chưa kiểm tra, giám sát việc chi trả hỗ trợ giáo dục, đào tạo tại các trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở trên địa bàn dẫn tới các Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bản Công, Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở xã Xà Hồ, Trường mầm non Sơn Ca xã Bản Công chi trả phí học tập năm 2021 - 2022 cho học sinh là con hộ nghèo, hộ cận nghèo (lần 1 vào tháng 01/2022 và lần 2 vào tháng 5/2022) chậm so với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ (lần 1 vào tháng 10 hoặc tháng 11/2021 và lần 2 vào tháng 3 hoặc tháng 4/2022); có 1.219 học sinh khối tiểu học và trung học cơ sở thuộc 02 trường (Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bản Công, Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở xã Xà Hồ) đến thời điểm thanh tra hỗ trợ lần 2 còn thiếu 3 đến 4 tháng với tổng số tiền là 577.650.000 đồng.

4.2. Năm 2020, UBND huyện làm chủ đầu tư (giao Phòng NNPTNT thực hiện) tiểu dự án 3 (hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo) thuộc dự án 1 Chương trình 30a không phải là dự án quy mô liên xã là không đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017. Thuyết minh của 03 dự án (01 dự án chăn nuôi lợn đen và 02 dự án hỗ trợ trồng rau vụ đông) không đầy đủ nội dung theo quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 (không có nội dung kỹ thuật thực hiện dự án, quy trình chăn nuôi/trồng trọt, định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng). Đối với dự án nhân rộng mô hình trồng dưa bở chưa thực hiện kiểm tra, nghiệm thu, tổng kết đánh giá và báo cáo thực hiện nhân rộng mô hình theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017.

5. Xã Bản Công, huyện Trạm Tấu

Tại mục danh sách các hộ gia đình được lựa chọn tham gia dự án trong biên bản họp thôn không ghi số lao động và không ký xác nhận (hồ sơ thực hiện tiểu dự án 2 - hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn thuộc dự án 2 - Chương trình 135 do UBND xã làm chủ đầu tư) là không đúng quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH UBND TỈNH YÊN BÁI

1. Bố trí nguồn tài chính Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012; thực hiện chi hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo tại điểm 1, 2, 3 và 4 khoản 3 Điều 1 Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 khi có phát sinh; chỉ đạo Sở Y tế tiến hành tổ chức, quản lý và điều hành Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 18/10/2013.

2. Chỉ đạo Sở LĐTBXH chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện các dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đúng quy định của pháp luật; khắc phục các thiếu sót nêu tại tiết 1.2 điểm 1 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị được thanh tra nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm, xử lý đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý để xảy ra thiếu sót nêu tại mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

II. ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

1. Tổ chức, quản lý và điều hành Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo; lập dự toán ngân sách Quỹ và kinh phí quản lý Quỹ; hằng năm, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp tình hình hoạt động của Quỹ theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 18/10/2013.

2. Kiểm điểm trách nhiệm, xử lý đối với tập thể, cá nhân không tham mưu bố trí nguồn tài chính Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo theo quy định tại Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 và Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 18/10/2013.

III. ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC SỞ NNPTNT

1. Chỉ đạo khắc phục các thiếu sót nêu tại tiết 1.2 điểm 1 và điểm 3 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

2. Kiểm điểm trách nhiệm, xử lý đối với tập thể, cá nhân trong việc tham mưu UBND tỉnh ban hành lần hai kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021, dẫn đến tại thời điểm thanh tra, huyện Tràm Tấu không triển khai thực hiện Chương trình được.

IV. ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC SỞ LĐTBXH

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan tổ chức thực hiện các dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đúng quy định của pháp luật; khắc phục các thiếu sót nêu tại tiết 1.2 điểm 1 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

V. ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH UBND HUYỆN TRẠM TẤU

1. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và đào tạo, Phòng Tài chính - Kế hoạch và UBND các xã, thị trấn kiểm tra, giám sát việc chi trả hỗ trợ giáo dục, đào tạo tại các trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở trên địa bàn, kịp thời hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh là con hộ nghèo, hộ cận nghèo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

2. Tổ chức thực hiện các dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đúng quy định của pháp luật; kiểm điểm rút kinh nghiệm không để xảy ra các thiếu sót nêu tại tiết 4.2 điểm 4 mục II Phần C Kết luận thanh tra này; chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện các dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đúng quy định của pháp luật không để xảy ra các thiếu sót nêu tại điểm 5 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

3. Thông báo về những thiếu sót của các phòng, ban và UBND xã được thanh tra đến các xã, thị trấn trên địa bàn huyện để thực hiện tự kiểm tra, rà soát, rút kinh nghiệm, khắc phục kịp thời những sai sót tương tự.

4. Kiểm điểm trách nhiệm, xử lý đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý để xảy ra thiếu sót nêu trên.

VI. ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH UBND XÃ BẢN CÔNG, HUYỆN TRẠM TẤU

1. Chỉ đạo Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bản Công kịp thời hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh là con hộ nghèo, hộ cận nghèo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

2. Thực hiện các dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đúng quy định của pháp luật; nghiêm túc rút kinh nghiệm, kiểm điểm trách nhiệm, xử lý đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý để xảy ra thiếu sót nêu tại điểm 5 mục II Phần C Kết luận thanh tra này.

E. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái chỉ đạo Chủ tịch UBND huyện Trạm Tấu; Chủ tịch UBND xã Bản Công, huyện Trạm Tấu; Giám đốc Sở LĐTBXH, Sở NNPTNT, Sở Y tế thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần D Kết luận thanh tra và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra Bộ LĐTBXH (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 30/01/2023. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Yên Bái (để c/đ, t/h);
- Các sở thuộc tỉnh Yên Bái: LĐTBXH, NNPTNT, Y tế (để t/h);
- UBND huyện Trạm Tấu (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng



100-107000-1000